

Phụ lục 02:

**CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM ANH NGỮ QUỐC TẾ EDU STAR THỰC HIỆN**

1. Chương trình Anh ngữ thiếu nhi (3 - 5 Tuổi)

ANH NGỮ THIẾU NHI (Từ 3 đến 5 tuổi)					
Trình độ	Cấp độ (giáo trình)	Giờ học	Học phí (VNĐ)/ tháng		Học sinh/lớp
			Nước ngoài	Việt Nam	
Starters	Show and Tell 1A	196 giờ	1.466.700		10 -20
	Show and Tell 1B	196 giờ	1.466.700		10 -20
Movers	Show and Tell 2A	196 giờ	1.466.700		10 -20
	Show and Tell 2B	196 giờ	1.466.700		10 -20
	Show and Tell 1	196 giờ	1.466.700		10 -20
Flyers	Show and Tell 2	196 giờ	1.466.700		10 -20
	Show and Tell 3	196 giờ	1.466.700		10 -20
	Show and Tell 3	196 giờ	1.466.700		10 -20

2. Chương trình Anh ngữ nhi đồng (6 - 14 tuổi)

ANH NGỮ THIẾU NHI (Từ 6 đến 14 tuổi)					
Trình độ	Cấp độ (giáo trình)	Giờ học	Học phí (VNĐ)/ tháng		Học sinh/lớp
			Nước ngoài	Việt Nam	
Starters	Super kids 1-2-3	196 giờ	1.466.700		10 -20
	Super kids 4-5-6	196 giờ	1.466.700		10 -20
Movers	Oxford Discover 1	196 giờ	1.800.000		10 -20
	Oxford Discover 2	196 giờ	1.800.000		10 -20
	Oxford Discover 3	196 giờ	1.800.000		10 -20
Flyers Starters	Oxford Discover 4	196 giờ	1.800.000		10 -20
	Oxford Discover 5	196 giờ	1.800.000		10 -20
	Oxford Discover 6	196 giờ	1.800.000		10 -20

3. Anh Ngữ Thiếu niên (13 – 16 tuổi)

ANH NGỮ THIẾU NIÊN (Từ 14 đến 16 tuổi)					
Trình độ	Cấp độ (giáo trình)	Giờ học	Học phí (VNĐ)/ tháng		Học phí (VNĐ)
			Nước ngoài	Việt Nam	
1	Oxford Future 1	196 giờ	1.800.000		10 - 20
2	Oxford Future 2	196 giờ	1.800.000		10 - 20
3	Oxford Future 3	196 giờ	1.800.000		10 - 20
4	Oxford Future 4	196 giờ	1.800.000		10 - 20
5	Oxford Future 5	196 giờ	1.800.000		10 - 20
6	Oxford Future 6	196 giờ	1.800.000		10 - 20

4. Anh ngữ giao tiếp

Khóa học:

TIẾNG ANH GIAO TIẾP TỔNG QUÁT					
Trình độ	Cấp độ	Giờ học	Học phí (VNĐ)/tháng		Học phí (VNĐ)
			Nước ngoài	Việt Nam	
Starter	Starters	196 giờ	2.000.000		10-15
	Higher Starters	196 giờ	2.000.000		10-15
Elementary	Elementary	196 giờ	2.500.000		10-15
	Higher Elementary	196 giờ	2.500.000		10-15
Pre-Intermediate	Pre-Intermediate	196 giờ	2.500.000		10-15
	Higher Pre-Intermediate	196 giờ	2.500.000		10-15

Upper-Intermediate	Upper-Intermediate	196 giờ	2.500.000		10-15
	Higher Upper-Intermediate	196 giờ	2.500.000		10-15
Advanced	Advanced	196 giờ	2.500.000		10-15

ĐÀO TẠO KỸ NĂNG GIAO TIẾP (Du lịch, thương gia, công nhân viên chức...)

Trình độ	Cấp độ	Giờ học	Học phí (VNĐ)/tháng		Số học viên/lớp
			Nước ngoài	Việt Nam	
Starter	Starters	196 giờ	2.000.000		10-15
	Higher Starters	196 giờ	2.000.000		10-15
Elementary	Elementary	196 giờ	2.000.000		10-15
	Higher Elementary	196 giờ	2.000.000		10-15
Pre-Intermediate	Pre-Intermediate	196 giờ	2.000.000		10-15
	Higher Pre-Intermediate	196 giờ	2.000.000		10-15

5. Luyện ngữ pháp chuyên nghiệp

Trình độ	Cấp lớp	Thời gian	Học phí (VNĐ)		HV/lớp	Giáo Trình Giảng dạy
			Nước ngoài	Việt Nam		
Grammar	Pre-Basic	196 giờ	2.000.000		10—15	Living Grammar Elementary
	Basic	196 giờ	2.000.000		10—15	Living Grammar Elementary
	Intermediate	196 giờ	2.000.000		10—15	Living Grammar Pre-Intermediate

	Higher-Intermediate	196 giờ	2.000.000		10—15	Living Grammar Pre-Intermediate
	Advanced	196 giờ	2.000.000		10--15	Living Grammar Intermediate

6. Luyện thi TOEIC

Khoá học

TIẾNG ANH GIAO TIẾP QUỐC TẾ TOEIC					
Trình độ	Cấp lớp	Giờ học	Học phí (VNĐ)/ tháng		HV/lớp
			Nước ngoài	Việt Nam	
Starters	TOEIC 400	196 giờ	2.000.000		10--15
	TOEIC 450	196 giờ	2.000.000		10--15
Movers	TOEIC 500	196 giờ	2.000.000		10--15
	TOEIC 550	196 giờ	2.000.000		10--15
	TOEIC 600	196 giờ	2.000.000		10--15
	TOEIC 650	196 giờ	2.000.000		10--15
Explorers	TOEIC 700	196 giờ	2.000.000		10--15
	TOEIC 750	196 giờ	2.000.000		10--15

	TOEIC 800	196 giờ	2.000.000		10--15
--	--------------	---------	-----------	--	--------

7. Luyện thi IELTS

Khóa học

Chương trình	Cấp độ	Thời gian	Học phí (VNĐ)/tháng	
			Nước ngoài	Việt Nam
Starter	IELTS 4.0	196 giờ	2.000.000	
	IELTS 5.0	196 giờ	2.000.000	
Movers	IELTS 5.5	196 giờ	2.000.000	
	IELTS 6.0	196 giờ	2.000.000	
	IELTS 6.5	196 giờ	2.000.000	
Explorers	IELTS 7.0	196 giờ	2.000.000	
	IELTS 7.5	196 giờ	2.000.000	
	IELTS 8.0	196 giờ	2.000.000	

8. Luyện thi TOEFL

Khoá học

Trình độ	Cấp độ	Thời gian	Học phí (VNĐ)/tháng		Học viên/lớp
			Nước ngoài	Việt Nam	
Starter	TOEFL 20	196 giờ	2.000.000		10 - 15
	TOEFL 30	196 giờ	2.000.000		10 - 15
Movers	TOEFL 40	196 giờ	2.000.000		10 - 15

	TOEFL 50	196 giờ	2.000.000		10 - 15
	TOEFL 60	196 giờ	2.000.000		10 - 15
Explorers	TOEFL 70	196 giờ	2.000.000		10 - 15
	TOEFL 80	196 giờ	2.000.000		10 - 15
	TOEFL 90	196 giờ	2.000.000		10 - 15